

Số: /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15, Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Thành lập, khai trương hoạt động, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã, thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã.

2. Thành lập, khai trương hoạt động, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Thông báo thông tin về thành lập, thay đổi địa điểm, giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, khai trương hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân, thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng lưới hoạt động của ngân hàng hợp tác xã bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.

2. Mạng lưới hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm phòng giao dịch.

3. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng hợp tác xã, hạch toán phụ thuộc, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của ngân hàng hợp tác xã theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

4. Phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã là loại hình chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của ngân hàng hợp tác xã, được quản lý bởi một chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của ngân hàng hợp tác xã theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

5. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng hợp tác xã, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng hợp tác xã. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.

6. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng hợp tác xã, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã.

7. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân là loại hình chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của quỹ tín dụng nhân dân, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

8. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã; phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân.

9. Người đứng đầu là Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch hoặc các chức danh tương đương (sau đây gọi là Giám đốc phòng giao dịch), Trưởng văn phòng đại diện hoặc chức danh tương đương.

10. Thông tin về người đứng đầu bao gồm họ và tên, giới tính, ngày sinh,

dân tộc, quốc tịch, loại giấy tờ pháp lý của cá nhân, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc.

11. Thông tin về tên của đơn vị mạng lưới bao gồm tên đầy đủ bằng tiếng việt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt.

12. Thông tin về địa chỉ của đơn vị mạng lưới bao gồm địa chỉ, điện thoại, fax, hòm thư điện tử, trang thông tin điện tử.

13. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của tổ chức tín dụng là hợp tác xã

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét:

- a) Chấp thuận thành lập chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã;
- b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét:

- a) Chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã;
- b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét:

- a) Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);
- b) Chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã;
- c) Chấp thuận thành lập, thay đổi địa điểm đặt trụ sở, chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

4. Trong một số trường hợp cụ thể, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã trên cơ sở trình tự, thủ tục theo quy định tại Thông tư này và phù hợp với điều kiện thực tế nhằm:

- a) Phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng và điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ;
- b) Hỗ trợ ngân hàng hợp tác xã tham gia xử lý quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt.

Điều 5. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã và quy định đối với phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, bao gồm:

- a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ ngân hàng cho ngân hàng hợp tác xã;
- b) Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật công nghệ thông tin cho cán bộ, nhân viên của ngân hàng hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân thành viên;
- c) Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã;
- d) Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng của phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã đối với một khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên không được vượt quá 01 tỷ đồng sau khi đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu điều hòa vốn của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng của phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân đối với một khách hàng đảm bảo tuân thủ theo quy định về giới hạn cấp tín dụng tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật có liên quan và không được vượt quá 100 triệu đồng.

Điều 6. Địa bàn hoạt động, tên chi nhánh, phòng giao dịch

1. Địa bàn hoạt động:

a) Đối với ngân hàng hợp tác xã:

(i) Chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã hoạt động trong phạm vi một hoặc một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định cụ thể trong văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước);

(ii) Phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã hoạt động trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trên địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý;

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân:

Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tên chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và được đặt như sau:

a) Tên chi nhánh: Ngân hàng Hợp tác xã - Chi nhánh “tên chi nhánh”;

b) Tên phòng giao dịch:

(i) Ngân hàng Hợp tác xã - Chi nhánh “tên chi nhánh” (là chi nhánh quản lý phòng giao dịch) - Phòng giao dịch “tên phòng giao dịch” hoặc Ngân hàng Hợp tác xã - Phòng giao dịch “tên phòng giao dịch”;

(ii) Quỹ tín dụng nhân dân “tên Quỹ tín dụng nhân dân” - Phòng giao dịch “tên phòng giao dịch”.

Điều 7. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch

1. Đối với ngân hàng hợp tác xã:

a) Trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng hợp tác xã được thành lập tối đa 01 chi nhánh;

b) Một chi nhánh quản lý tối đa 05 phòng giao dịch.

2. Đối với quỹ tín dụng nhân dân:

a) Quỹ tín dụng nhân dân được thành lập tối đa 02 phòng giao dịch trên địa bàn một đơn vị hành chính cấp xã;

b) Trường hợp sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân do sắp xếp lại đơn vị hành chính, số lượng phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân được thành lập bổ sung theo quy định sau:

(i) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân sau khi sáp nhập, hợp nhất có địa bàn hoạt động trên địa bàn một đơn vị hành chính cấp xã, ngoài số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại điểm a khoản này, quỹ tín dụng nhân dân được thành lập bổ sung số lượng phòng giao dịch tối đa bằng số lượng quỹ tín dụng nhân dân tham gia sáp nhập, hợp nhất trừ đi một nhưng không quá 02 phòng giao dịch;

(ii) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân sau khi sáp nhập, hợp nhất có địa bàn hoạt động tại các đơn vị hành chính cấp xã liền kề với đơn vị hành chính cấp xã nơi đặt trụ sở chính, ngoài số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại điểm a khoản này, quỹ tín dụng nhân dân được thành lập bổ sung số lượng phòng giao dịch tối đa bằng số lượng quỹ tín dụng nhân dân tham gia sáp nhập, hợp nhất trừ đi một. Quỹ tín dụng nhân dân được thành lập tối đa không quá 06 phòng giao dịch, trong đó bao gồm cả số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 8. Nguyên tắc lập hồ sơ, gửi thông báo

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

2. Các văn bản của tổ chức tín dụng là hợp tác xã gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại Thông tư này

phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng là hợp tác xã ủy quyền ký.

3. Hồ sơ, văn bản thông báo, đề nghị của tổ chức tín dụng là hợp tác xã được gửi tới Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực bằng một trong những hình thức sau:

- a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

Điều 9. Quy chế về quản lý mạng lưới

1. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải xây dựng Quy chế về quản lý mạng lưới để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, phù hợp với năng lực quản lý của từng loại đơn vị mạng lưới và phù hợp với quy định của pháp luật, gồm các nội dung tối thiểu như sau:

- a) Cơ cấu tổ chức, nhân sự;
- b) Nội dung, phạm vi hoạt động, cơ chế hạch toán, kế toán;
- c) Hạn mức cho từng nghiệp vụ đối với một khách hàng, nhóm khách hàng và tất cả khách hàng; các giới hạn cho từng loại rủi ro;
- d) Cơ chế quản lý, giám sát của trụ sở chính, chi nhánh đối với đối tượng thuộc mạng lưới để đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động, an toàn chuyển tiền và kho quỹ;
- đ) Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch, Trưởng các bộ phận chuyên môn, người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp hoặc các chức danh tương đương phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo đủ năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp để điều hành công việc.

2. Quy chế cần quy định cụ thể về hạn mức hoạt động nghiệp vụ đối với chi nhánh, phòng giao dịch và hoạt động của phòng giao dịch phải hạn chế hơn chi nhánh đảm bảo phù hợp năng lực quản trị và quy mô hoạt động.

3. Quy chế phải được rà soát định kỳ tối thiểu một năm một lần đảm bảo

phù hợp với những thay đổi của các đơn vị mạng lưới và những thay đổi của thị trường.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế về quản lý mạng lưới, ngân hàng hợp tác xã phải gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng hợp tác xã đặt trụ sở chính; quỹ tín dụng nhân dân phải gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Mục 1

THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Điều 10. Điều kiện thành lập chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cấp tín dụng; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

3. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị.

4. Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới.

5. Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

Điều 11. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

Ngân hàng hợp tác xã đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này.

Điều 12. Điều kiện thành lập phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 10 Thông tư này.
2. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;
 - b) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cấp tín dụng, hạn chế, giới hạn cấp tín dụng; phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;
 - c) Phòng giao dịch được đề nghị thành lập phải nằm trên địa bàn hoạt động của chi nhánh;
 - d) Đảm bảo số lượng phòng giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Văn bản của ngân hàng hợp tác xã đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
3. Đề án thành lập có tối thiểu các nội dung sau:
 - a) Đối với thành lập chi nhánh, phòng giao dịch:
 - (i) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ;
 - (ii) Lý do, nhu cầu thành lập và lý do lựa chọn địa bàn thành lập, phạm vi địa bàn hoạt động;
 - (iii) Cơ cấu tổ chức: Sơ đồ tổ chức của chi nhánh, phòng giao dịch;
 - (iv) Tên, địa điểm của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch; việc đáp ứng các điều kiện của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này (trường hợp thành lập phòng giao dịch);
 - (v) Nghiên cứu khả thi: Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường, nhu cầu phục vụ quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;
 - (vi) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: nội dung hoạt động, đối tượng khách hàng chính, dự kiến bảng cân đối

kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;

b) Đối với thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

(i) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt, địa chỉ, nội dung hoạt động;

(ii) Lý do, nhu cầu thành lập;

(iii) Kế hoạch hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu.

Điều 14. Trình tự chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi ngân hàng hợp tác xã dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về sự cần thiết thành lập chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn;

b) Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng hợp tác xã dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về sự cần thiết thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn; các địa bàn dự kiến mở phòng giao dịch; việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch (trong trường hợp thành lập phòng giao dịch) trên địa bàn.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

5. Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các ý kiến tham gia của các đơn vị tại khoản 4 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc ngân hàng hợp tác xã thành lập chi nhánh.

6. Trong thời hạn 30 ngày làm việc (đối với trường hợp thành lập chi nhánh) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị thành lập chi nhánh của ngân hàng

hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch) hoặc 21 ngày làm việc (đối với trường hợp thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản chấp thuận thành lập quy định tại khoản 6 Điều này, ngân hàng hợp tác xã phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.

Mục 2

KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Điều 15. Khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã

1. Yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ, thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

b) Trụ sở chi nhánh có kho tiền đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp ngân hàng hợp tác xã hiện có hơn 01 chi nhánh trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, ngân hàng hợp tác xã phải có tối thiểu 01 chi nhánh có kho tiền theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm chuyển tiền của các chi nhánh không có kho tiền về chi nhánh có kho tiền theo quy định nội bộ của ngân hàng hợp tác xã;

c) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ;

d) Có đầy đủ nhân sự điều hành gồm Giám đốc chi nhánh và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ. Giám đốc chi nhánh không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại các đơn vị mạng lưới của ngân hàng hợp tác xã;

đ) Giám đốc chi nhánh đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của ngân hàng hợp tác xã.

2. Yêu cầu khai trương hoạt động phòng giao dịch:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở phòng giao dịch; trụ sở phải đảm bảo thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

b) Phòng giao dịch tối thiểu phải có két quỹ đảm bảo an toàn;

c) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với chi nhánh quản lý, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ;

d) Có đầy đủ nhân sự điều hành gồm Giám đốc phòng giao dịch và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ. Giám đốc phòng giao dịch không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại các đơn vị mạng lưới của ngân hàng hợp tác xã;

đ) Giám đốc phòng giao dịch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với Giám đốc chi nhánh theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của ngân hàng hợp tác xã.

3. Ngân hàng hợp tác xã gửi văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch các nội dung sau:

a) Thông tin về ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Thông tin về người đứng đầu, tên, địa chỉ, mã số thuế của chi nhánh, phòng giao dịch.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

a) Kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu về khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Có văn bản đình chỉ khai trương hoặc xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu về khai trương hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã.

5. Ngân hàng hợp tác xã tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch sau khi thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 17

Thông tư này.

Điều 16. Khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động.

2. Văn bản thông báo khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã bao gồm:

- a) Thông tin về ngày dự kiến khai trương hoạt động;
- b) Thông tin về người đứng đầu, tên, địa chỉ, mã số thuế của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 17. Công bố thông tin về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 15 Thông tư này, ngân hàng hợp tác xã phải thực hiện công bố các thông tin sau:

- a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về thành lập chi nhánh, phòng giao dịch;
- b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến khai trương hoạt động và thông tin khác (nếu cần thiết).

2. Ngân hàng hợp tác xã phải công bố các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trên:

- a) Trang thông tin điện tử của ngân hàng hợp tác xã, trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của ngân hàng hợp tác xã;
- b) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;
- c) 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.

Mục 3

THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP; THAY ĐỔI CHI NHÁNH QUẢN LÝ PHÒNG GIAO DỊCH CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Điều 18. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã

1. Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc thay đổi tên chi nhánh, phòng

giao dịch.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi tên của chi nhánh, phòng giao dịch, ngân hàng hợp tác xã có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch việc thay đổi thông tin về tên của chi nhánh, phòng giao dịch trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động, ngân hàng hợp tác xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

Điều 19. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã

1. Ngân hàng hợp tác xã chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch bao gồm:

a) Văn bản của ngân hàng hợp tác xã đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: tên, địa điểm hiện tại, địa điểm dự kiến chuyển đến, lý do thay đổi địa điểm, kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động, cam kết đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 15 Thông tư này (trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh), điểm a, b, c khoản 2 Điều 15 Thông tư này (trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch) chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động tại địa điểm được chấp thuận;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

3. Trình tự chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trình tự chấp thuận đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi

nhánh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc địa bàn quản lý của 01 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh có văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về sự cần thiết có chi nhánh trên địa bàn;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh có ý kiến bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng hợp tác xã dự kiến đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trình tự chấp thuận đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc địa bàn quản lý của 02 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh có văn bản lấy ý kiến:

(i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã hiện đang đặt trụ sở về phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan và lý do thay đổi địa điểm;

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về sự cần thiết có chi nhánh trên địa bàn;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng hợp

tác xã dự kiến đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng hợp tác xã dự kiến đặt trụ sở chi nhánh có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực hiện đang đặt trụ sở chi nhánh việc chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

6. Ngân hàng hợp tác xã có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch (trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc địa bàn quản lý của 01 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc địa bàn quản lý của 02 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực) về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 15 Thông tư này (trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh), điểm a, b, c khoản 2 Điều 15 Thông tư này (trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch) chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động, ngân hàng hợp tác xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại khoản 6 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Thông tư này;

b) Có văn bản đình chỉ việc hoạt động tại địa điểm mới hoặc xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu để được hoạt động tại địa điểm mới.

8. Chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã chỉ hoạt động tại điểm mới sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu để được hoạt động tại địa điểm mới. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận, chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã phải hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này mà không hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.

9. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch do

thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch), ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về việc thay đổi thông tin về địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi. Văn bản thông báo của ngân hàng hợp tác xã phải gửi kèm các tài liệu chứng minh hoặc xác nhận của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi địa chỉ nêu trên.

Điều 20. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp về việc thay đổi này. Văn bản thông báo về việc thay đổi tên, địa điểm của văn phòng đại diện bao gồm thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của văn phòng đại diện.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước đây và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp mới.

Điều 21. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch

1. Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh đang quản lý phòng giao dịch và chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của ngân hàng hợp tác xã về việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch kiểm tra, yêu cầu ngân hàng hợp tác xã không thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch khi chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch không đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư này.

Điều 22. Công bố thông tin về những thay đổi của chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác

nhận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc đáp ứng các yêu cầu để hoạt động tại địa điểm mới theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 Thông tư này, ngân hàng hợp tác xã phải thực hiện công bố các thông tin sau:

a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm mới và thông tin khác (nếu cần thiết).

2. Ngân hàng hợp tác xã phải công bố các thông tin quy định tại các khoản 1 Điều này trên:

a) Trang thông tin điện tử của ngân hàng hợp tác xã; trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của ngân hàng hợp tác xã;

b) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;

c) 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi theo quy định tại Điều 18, khoản 9 Điều 19, Điều 20 Thông tư này, ngân hàng hợp tác xã phải công bố quyết định của ngân hàng hợp tác xã về các nội dung này trên trang thông tin điện tử của ngân hàng hợp tác xã, trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của ngân hàng hợp tác xã.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi theo quy định tại Điều 21 Thông tư này, trường hợp không nhận được yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư này, ngân hàng hợp tác xã phải công bố quyết định của ngân hàng hợp tác xã về nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của ngân hàng hợp tác xã; trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của ngân hàng hợp tác xã.

Mục 4

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Điều 23. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:

a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;

c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Ngân hàng hợp tác xã chịu trách nhiệm:

a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật;

b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu, hồ sơ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể và các văn bản liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải thể;

c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Văn bản của ngân hàng hợp tác xã đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngân hàng hợp tác xã về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động.

2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận

được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng hợp tác xã đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, ngân hàng hợp tác xã phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể của chi nhánh, phòng giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

4. Đối với việc tự nguyện chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng hợp tác xã phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 26. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thật dẫn đến đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch khi chưa được chấp thuận bằng văn bản;

c) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã có văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã, trong đó nêu rõ lý do đề nghị.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện,

đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong quá trình giám sát phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều này, ngân hàng hợp tác xã phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, ngân hàng hợp tác xã phải có phương án xử lý phòng giao dịch do chi nhánh đó quản lý để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này.

Điều 27. Công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định tại Điều 24 Thông tư này), ngân hàng hợp tác xã phải thực hiện công bố các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể;

c) Trách nhiệm của ngân hàng hợp tác xã về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Ngân hàng hợp tác xã phải công bố các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Trên trang thông tin điện tử của ngân hàng hợp tác xã, trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của ngân hàng hợp tác xã;

b) Trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;

c) Trên 01 tờ báo in hàng ngày của Trung ương, địa phương trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam;

d) Đến các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn (trừ trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp).

Mục 5**THÔNG BÁO THÔNG TIN CHO CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Điều 28. Ngân hàng hợp tác xã cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng hợp tác xã quyết định thay đổi người đứng đầu chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện việc thay đổi thông tin về người đứng đầu.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

Điều 29. Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh những nội dung liên quan đến hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của ngân hàng hợp tác xã

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận việc ngân hàng hợp tác xã đã đáp ứng các yêu cầu về khai trương hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 15 Thông tư này hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện kèm theo văn bản chấp thuận thành lập cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận việc ngân hàng hợp tác xã đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 Thông tư này hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng hợp tác xã quy định tại khoản 9 Điều 19, khoản 2 Điều 20 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện kèm theo văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng hợp tác xã quy định tại khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 20, Điều 28 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, thông tin liên quan

đến đăng ký kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng hợp tác xã quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 25 và khoản 4 Điều 26 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo báo cáo của ngân hàng hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Mục 1

THÀNH LẬP PHÒNG GIAO DỊCH, KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG, THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ PHÒNG GIAO DỊCH CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 30. Điều kiện thành lập phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cho vay; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

3. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập phòng giao dịch hoặc hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính trong trường hợp quy định của Ngân hàng Nhà nước chưa yêu cầu phải thực hiện kiểm toán độc lập.

4. Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới.

5. Đảm bảo số lượng phòng giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 31. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận thành lập phòng giao dịch theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thành lập phòng giao dịch.

3. Đề án thành lập phòng giao dịch, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ; nội dung hoạt động (nội dung hoạt động phải phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước); đối tượng khách hàng chính;

b) Lý do thành lập và lý do lựa chọn địa bàn thành lập;

c) Cơ cấu tổ chức: Sơ đồ tổ chức của phòng giao dịch;

d) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm. Đối với quỹ tín dụng nhân dân đề nghị thành lập phòng giao dịch tại địa bàn không phải vùng nông thôn, phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu phải bao gồm cả nội dung chứng minh khả năng cạnh tranh, hoạt động ổn định và phát triển trên địa bàn.

Điều 32. Trình tự chấp thuận thành lập phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Quỹ tín dụng nhân dân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 31 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chính.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 31 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về sự cần thiết, địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, đơn vị tại khoản 3 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về nội dung được đề nghị.

5. Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 31 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc quỹ tín dụng nhân dân thành lập phòng giao dịch. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, quỹ tín dụng nhân dân phải khai trương hoạt động phòng giao dịch đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 33. Khai trương hoạt động phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Yêu cầu khai trương hoạt động:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở phòng giao dịch; trụ sở phải thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

b) Có kết quỹ đảm bảo an toàn;

c) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ;

d) Có đầy đủ nhân sự điều hành tối thiểu gồm Giám đốc phòng giao dịch và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ. Giám đốc phòng giao dịch này không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại đơn vị mạng lưới của quỹ tín dụng nhân dân;

đ) Giám đốc phòng giao dịch phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với Giám đốc chi nhánh theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Quỹ tín dụng nhân dân gửi văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động phòng giao dịch các nội dung sau:

a) Ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động phòng giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế của phòng giao dịch.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

a) Kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu về khai trương hoạt động phòng

giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có văn bản đình chỉ khai trương hoặc xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu về khai trương hoạt động của phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân.

4. Quỹ tín dụng nhân dân tiến hành khai trương phòng giao dịch sau khi thực hiện công bố thông tin quy định tại Điều 36 Thông tư này.

Điều 34. Thay đổi tên phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Quỹ tín dụng nhân dân quyết định việc thay đổi tên phòng giao dịch.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phòng giao dịch hoạt động theo tên mới, quỹ tín dụng nhân dân có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính việc thay đổi thông tin về tên của phòng giao dịch, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp thay đổi tên phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư này.

Điều 35. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Quỹ tín dụng nhân dân chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn hoạt động được quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân do Ngân hàng Nhà nước cấp.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch bao gồm:

a) Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch; trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: tên, địa điểm hiện tại, địa điểm dự kiến chuyển đến, lý do thay đổi địa điểm, kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động, cam kết đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 33 Thông tư này chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động tại địa điểm được chấp thuận;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch.

3. Trình tự chấp thuận thay đổi địa điểm đặt phòng giao dịch:

a) Quỹ tín dụng nhân dân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch. Trường hợp không

chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Quỹ tín dụng nhân dân có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 33 Thông tư này chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư này.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch:

a) Kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư này;

b) Có văn bản đình chỉ việc hoạt động tại địa điểm mới hoặc xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu để được hoạt động tại địa điểm mới.

6. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân chỉ hoạt động tại địa điểm mới sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu để được hoạt động tại địa điểm mới. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân phải hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này mà không hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.

7. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở phòng giao dịch do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch), quỹ tín dụng nhân dân có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch về việc thay đổi thông tin về địa chỉ đặt trụ sở phòng giao dịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi. Văn bản thông báo của quỹ tín dụng nhân dân phải gửi kèm các tài liệu chứng minh hoặc xác nhận của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi địa chỉ nêu trên.

Điều 36. Công bố thông tin về thành lập, những thay đổi của phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc đáp ứng các yêu cầu để được hoạt động tại địa điểm mới theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33, điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân phải thực hiện công bố và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở chính và phòng giao dịch có liên quan của quỹ tín dụng nhân dân, thông báo trên đài truyền thanh cấp xã (nếu có) các thông tin sau:

a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về thành lập phòng giao dịch, thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch;

b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến khai trương hoạt động, ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm mới và thông tin khác (nếu cần thiết).

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi theo quy định tại Điều 34, khoản 7 Điều 35 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân phải công bố quyết định của quỹ tín dụng nhân dân về các nội dung này trên trang thông tin điện tử của quỹ tín dụng nhân dân, trụ sở phòng giao dịch có liên quan của quỹ tín dụng nhân dân.

Mục 2

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ PHÒNG GIAO DỊCH CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 37. Chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;
- c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm:

- a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật;
- b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu, hồ sơ của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và các văn bản liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải thể;
- c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân đương nhiên chấm dứt hoạt động trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch gồm:

- a) Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân đề nghị chấm dứt hoạt động, giải

thể phòng giao dịch trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân về việc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động.

2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch:

a) Quỹ tín dụng nhân dân lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, quỹ tín dụng nhân dân phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể của phòng giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 40. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

1. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập phòng giao dịch có thông tin sai sự thật dẫn đến đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch khi chưa được chấp thuận bằng văn bản;

c) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính có văn bản nêu rõ lý do gửi quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu

vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính có văn bản yêu cầu chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 41. Công bố thông tin về chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo Điều 38 Thông tư này), quỹ tín dụng nhân dân phải thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính và nơi đặt trụ sở phòng giao dịch, thông báo trên đài phát thanh xã (nếu có) nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính và nơi đặt trụ sở phòng giao dịch về việc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch. Nội dung niêm yết, thông báo công khai tối thiểu bao gồm:

1. Tên, địa chỉ của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể.
2. Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.
3. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể.

Mục 3

THÔNG BÁO THÔNG TIN CHO CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 42. Quỹ tín dụng nhân dân cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quỹ tín dụng nhân dân quyết định thay đổi người đứng đầu phòng giao dịch, quỹ tín dụng nhân dân có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch việc thay đổi thông tin về người đứng đầu.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, quỹ tín dụng nhân dân có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch.

Điều 43. Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh những nội dung liên quan đến hoạt động của phòng giao dịch quỹ tín dụng nhân dân

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận việc quỹ tín dụng nhân dân đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, địa chỉ,

mã số thuế của phòng giao dịch kèm theo văn bản chấp thuận thành lập phòng giao dịch cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận việc quỹ tín dụng nhân dân đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư này hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại khoản 7 Điều 35 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về địa chỉ của phòng giao dịch kèm theo văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại khoản 2 Điều 34, Điều 42 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về người đứng đầu, tên của phòng giao dịch, thông tin liên quan đến đăng ký kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 39, khoản 3 Điều 40 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng là hợp tác xã

1. Ngân hàng hợp tác xã phải xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới phù hợp với địa bàn hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ.

3. Có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước để công bố thông tin theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 27 Thông tư này.

4. Chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn.

5. Quản lý, giám sát thường xuyên hoạt động của chi nhánh, phòng giao

dịch.

6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Thông tư này.

Điều 45. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng là hợp tác xã đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng là hợp tác xã trên địa bàn theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật, trong đó bao gồm cả thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc trong trường hợp xét thấy cần thiết việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động, thay đổi địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch sau khi tổ chức tín dụng là hợp tác xã khai trương hoạt động, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản xác nhận việc ngân hàng hợp tác xã đã đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 15, khoản 7 Điều 19 Thông tư này hoặc có văn bản chấp thuận theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 25 Thông tư này hoặc kể từ ngày nhận được thông báo, báo cáo của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông tin về các nội dung sau:

a) Việc khai trương hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

b) Việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

c) Việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

5. Tiếp nhận Quy chế về quản lý mạng lưới của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này.

6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Thông tư này.

Điều 46. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Đầu mối tiếp nhận, xem xét và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 14, Điều 26 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà

nước quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

b) Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 15, Điều 26 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

c) Đầu mối xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

d) Cung cấp văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện quy định tại Điều 14 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng hợp tác xã dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh;

đ) Tiếp nhận báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại khoản 4 Điều 45 Thông tư này;

e) Tiếp nhận Quy chế về quản lý mạng lưới của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này.

g) Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền và thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý Cổng thông tin điện tử:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng hợp tác xã, công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước các thông tin liên quan đến mạng lưới hoạt động của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 27 Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Quy định chuyển tiếp

1. Ngân hàng hợp tác xã được phép duy trì số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có, số lượng phòng giao dịch hiện có do một chi nhánh quản lý, không phải điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp thành lập mới đơn vị mạng lưới thì phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tín dụng là hợp tác xã chưa đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 15; điểm d khoản 1 Điều 33 Thông tư này phải có biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo trong thời hạn 02 tháng chấm dứt

hoạt động của điểm giới thiệu dịch vụ.

4. Trường hợp ngân hàng hợp tác xã đã có văn bản đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc xử lý được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã (đã sửa đổi, bổ sung). Việc khai trương hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

5. Trường hợp ngân hàng hợp tác xã đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành và văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước vẫn còn hiệu lực theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã (đã sửa đổi, bổ sung) nhưng chưa thực hiện khai trương hoạt động thì không phải đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận lại. Việc khai trương hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 48. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

b) Điều 4 Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Điều 49. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 49;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, ATHT4 (03).

THỐNG ĐỐC

Phụ lục

*Ban hành kèm theo Thông tư số /20 /TT-NHNN ngàytháng.....năm 20.....
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*

Phụ lục I

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng hợp tác xã đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Tên chi nhánh.

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
- b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);
- c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);
- d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2. Thành lập phòng giao dịch:

Tên phòng giao dịch đề nghị thành lập	Dự kiến địa điểm đặt trụ sở	Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch
a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có); c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).		

3. Thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

3.1. Tên văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

3.2. Địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

II. Đánh giá việc ngân hàng hợp tác xã đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Thông tư

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm là%

2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cấp tín dụng; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)	Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị
1				
2				

- Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		

- Họ và tên Tổng giám đốc:.....

3. Lợi nhuận sau thuế năm theo báo cáo tài chính đã được kiểm

toán:.....

4. Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

5. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

6. Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch:

STT	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có tại địa bàn đề nghị thành lập phòng giao dịch		Thông tin liên quan đến chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch			
	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tên và địa chỉ chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch	Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý	Thời gian hoạt động (tháng)	Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cấp tín dụng, hạn chế, giới hạn cấp tín dụng; phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Đánh giá của ngân hàng hợp tác xã đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch.

III. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng hợp tác xã cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ**
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP PHÒNG GIAO DỊCH CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

TÊN QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP
PHÒNG GIAO DỊCH CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN....**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

Quỹ tín dụng nhân dân..... đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận thành lập phòng giao dịch như sau:

I. Thành lập phòng giao dịch:

1. Tên phòng giao dịch:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch.

II. Đánh giá việc Quỹ tín dụng nhân dân đáp ứng từng điều kiện để được thành lập phòng giao dịch theo quy định tại Thông tư

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm là%

2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cho vay; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)	Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị
1				
2				

- Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		

- Họ và tên Giám đốc:.....

3. Lợi nhuận sau thuế năm theo báo cáo tài chính được kiểm toán (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước quy định phải kiểm toán độc lập) hoặc theo báo cáo tài chính (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chưa quy định phải kiểm toán độc lập):.....

4. Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

5. Đáp ứng điều kiện về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

III. Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này.

Đính kèm hồ sơ (Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA QUỸ
TÍN DỤNG NHÂN DÂN**
(Ký tên và đóng dấu)